

Bản án số: 70/2021/DS-PT

Ngày 30/9/2021

V/v tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị T là: Ông Nguyễn Duy S, Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn MTV T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

2. Đồng bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

2.2. Ông Lê Văn B, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bên: Ông Lê Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B: Bà Trần Thị Hằng N và bà Thái Thị D- Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

2.3. Ông Lê Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

2.4. Ông Lê Thanh B, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người giám hộ theo chỉ định của ông Lê Thanh B là: Chị Lê Thúy H, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Theo Quyết định giải quyết việc dân sự phúc thẩm số 34/2020/QĐ-PT ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị T1 sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

3.2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.3. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp , xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

3.4. Bà Lê Thị L, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N tỉnh Sóc Trăng. (Đã chết ngày 12/11/1990)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Lắm là: Ông Phạm Văn Dũng, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp Mỹ Đông 1, xã Mỹ Quới, huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn D là: Bà Lê Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2018. (có mặt)

3.5. Bà Lê Thị D, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Đã chết ngày 05/11/2008)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị D, gồm:

3.5.1. Ông Nguyễn Quang N, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.5.2. Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang N và chị Nguyễn Ngọc N là: Bà Lê Thị T

3.6. Ông Âu Vũ P, sinh năm 1982.

3.7. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Đ là: Ông Âu Vũ P,

3.8. Ông Lê Hồng P, sinh năm 1975

3.9. Bà Âu Thị N, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Âu Thị N là: Ông Lê Hồng P

3.10. Bà Lê Thị , sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.11. Ngân hàng Thương mại Cổ phần K

Địa chỉ: Số , đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1988. Văn bản ủy quyền số 497 ngày 19/7/2021. (Có mặt)

3.12. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Minh P – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ký Trọng N – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện. Văn bản ủy quyền số 27/GUQ ngày 28/5/2020. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.13. Ông Dương Văn T. Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

3.14. Anh Lê Chí N, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo: Ông Lê Văn B, ông Lê Văn T; chị Lê Thúy H.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2015 và các biên bản lấy lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị T đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn D, ông Nguyễn Quang N, chị Nguyễn Ngọc N, trình bày:*

Cha mẹ bà Lê Thị T là cụ Lê Văn C và cụ Nguyễn Thị B chung sống có 11 người con chung gồm: Ông Lê Văn Đ (đã chết năm 1971, không có vợ, con), ông Lê Văn L, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị T1, ông Lê Văn B, bà Lê Thị D (chết ngày 05/11/2008, có chồng là ông Nguyễn Văn N và 01 người con nuôi là chị Nguyễn Thị Ngọc N), ông Lê Văn T, bà Lê Thị L (chết ngày 12/11/1990, có chồng là ông Phạm Văn D), bà Lê Thị T, bà Lê Thị T2 và ông Lê Thanh B.

Cụ Nguyễn Thị B chết ngày 12/3/2000, cụ Lê Văn C chết ngày 21/01/2007, trước khi chết cụ B và cụ C đều không để lại di chúc. Khi cụ B và cụ C để lại khối di sản là diện tích đất là 43.423m² đất, (trong đó, 500m² đất thổ cư, 42.923m² đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa) trên đất có 01 căn nhà chính và 01 căn nhà phụ (loại nhà cấp 4), ông Lê Thanh B được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 798698 và AK 798659 cùng ngày 15/10/2007 tại các thửa 882, 885 tờ bản đồ 08 ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Sau khi cụ B và cụ C chết, di sản trên chưa được phân chia. Ông Lê Thanh B bị bệnh tâm thần chậm phát triển nên diện tích đất nêu trên hiện do các ông Lê Văn L, Lê Văn B, Lê Văn T chia nhau quản lý, sử dụng.

Diện tích đất thổ cư và vườn tạp tại thửa 882 diện tích 3.483m² (500m² đất ở tại nông thôn và 2.983m² đất trồng cây lâu năm), ông B đang quản lý, sử dụng đến nay. Năm 2000, cụ C tặng cho bà T diện tích 6.600m² tại một phần thửa 885, nhưng sau khi cụ C chết (năm 2007) các ông L, B, T lấy lại đưa vào đất hương hỏa và cho người khác thuê đến nay. Nay bà Lê Thị T yêu cầu chia thừa kế các di sản của cụ Lê Văn C và cụ Nguyễn Thị B theo pháp luật, không yêu cầu chia thừa kế phần đất nhà ở, vườn tạp ông B đang ở diện tích theo đo đạc thực tế là 898,3m², không yêu cầu chia thừa kế phần đất nền mộ diện tích 399,7m². Tại phiên tòa, bà T xin rút lại một phần yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số AK 798698 và AK 798659 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Lê Thanh ngày 15/10/2007.

- *Đồng bị đơn ông Lê Văn L trình bày:* Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế như bà T trình bày là đúng. Cụ chết không để lại di chúc, nhưng trước khi cụ Lê Văn C chết có để lại di chúc đề ngày 10/12/2001. Tờ di chúc do chị H (con gái của bà Lê Thị T1) viết theo ý chí của cụ C. Theo nội dung tờ di chúc trên, khi cụ C chết để lại cho ông B 01 căn nhà (cùng các tài sản trong nhà) và 20 công tầm điền đất trồng lúa; cho Lê Thị T 6,6 công tầm điền đất trồng lúa, khi bà T có chồng thì diện tích đất trên sẽ sung vào đất hương hỏa. Nay bà T đã có chồng và ra ở riêng, không chăm lo cho ông B (bị bệnh khờ khạo từ nhỏ) nên ông L và các ông B, T lấy lại 6,6 công tầm điền đất trồng lúa của bà T sung vào đất hương hỏa đúng theo tờ di chúc ngày 10/12/2001 của cụ C. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T là chia di sản thừa kế của cụ C, cụ B theo pháp luật. Trường hợp có căn cứ chia di sản thừa kế của cụ C, cụ B theo pháp luật, ký phần thừa kế phần đất trồng lúa của ông L giao lại cho ông B, ông L chỉ yêu cầu nhận ký phần thừa kế đối với đất trồng cây lâu năm (đất vườn tạp) ngay vị trí ông đang xây nhà để ở và đồng ý thanh toán giá trị chênh lệch cho những người khác. Hiện ông L đang quản lý 18 công tầm cấy đất trồng lúa, trong đó ông L trực tiếp canh tác 04 công tầm cấy giáp đất nhà ông B, cho ông Lê Thanh P thuê canh tác hàng năm 14 công tầm cấy, giá 2,5 triệu đồng/công, hiện đã nhận tiền năm 2020 của ông P. Dự kiến ông P canh tác lúa khoảng cuối tháng 02 năm 2021 sẽ thu hoạch lúa và chấm dứt hợp đồng thuê.

- *Đồng bị đơn ông Lê Văn B, trình bày:* Ông B thống nhất với lời trình bày của ông Lê Văn L, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T là chia di sản thừa kế của cụ C, cụ B theo pháp luật. Trường hợp có căn cứ chia di sản thừa kế của cụ C và cụ B theo pháp luật, ông B xin nhận ký phần thừa kế bằng quyền sử dụng đất. Đối với các giao dịch chuyển nhượng, cầm cố quyền sử dụng đất với ông B, bà B và ông Âu Vũ P thì ông Bền không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, khi có phát sinh tranh chấp thì ông B sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

- *Đồng bị đơn ông Lê Văn T, trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của ông Lê Văn L, ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T là chia di sản thừa kế của cụ C, cụ B theo pháp luật. Trường hợp có căn cứ chia di sản thừa kế của cụ C, cụ B theo pháp luật, ông T xin nhận ký phần bằng quyền sử

dụng đất. Ông T hiện không có quản lý, sử dụng phần đất nào trong khối di sản của cụ C và cụ B chết để lại.

- *Đồng bị đơn ông Lê Thanh B:* Ông B không có ý kiến trình bày. Chị Lê Thúy H là người giám hộ theo chỉ định của ông B có ý kiến: Thống nhất với ý kiến của ông L, ông B, ông T và không có ý kiến gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1 trình bày:* Bà thừa nhận quan hệ huyết thống như bà T trình bày. Bà không thống nhất với lời trình bày của ông L, ông B, ông T việc cụ C chết có để lại di chúc ngày 10/12/2001, chữ ký trong tờ di chúc không phải của bà T không có viết dùm cụ C tờ di chúc ngày 10/12/2001 như phía bị đơn trình bày, vì thời điểm ngày 10/12/2001 chị H đang sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, chia di sản thừa kế của cụ C và cụ B theo pháp luật và yêu cầu được nhận kỹ phần của bà bằng quyền sử dụng đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ trình bày:* Bà Đ thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà Thẩm, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C, cụ B theo pháp luật và xin nhận kỹ phần thừa kế bằng quyền sử dụng đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T2 trình bày:* Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C, cụ B theo pháp luật và xin nhận kỹ phần thừa kế bằng quyền sử dụng đất.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn , ông Nguyễn Quang N và chị Nguyễn Ngọc N, là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D và bà Lê Thị , bà Lê Thị T trình bày:* Ông Phạm Văn D, ông Nguyễn Quang N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Chị Nguyễn Ngọc N yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ C, cụ B và đề nghị được nhận kỹ phần thừa kế của mình bằng quyền sử dụng đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Âu Vũ P và là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Lê Thị Đ, trình bày:* Ngày 16/01/2013, ông Lê Văn B và bà Lê Thị B có cầm cố cho vợ chồng ông 05 công tầm cây đất trồng lúa với giá 2,5 lượng vàng 24K, thời hạn cố 04 năm (đến tháng 01 năm 2017), khi đến thời hạn chuộc mà không chuộc lại đất thì vợ chồng ông tiếp tục canh tác đất. Khi cố đất, hai bên có làm giấy tay đề ngày 16/01/2013 có ông Nguyễn Minh Q là Trưởng ấp B có Ủy ban nhân dân xã C ký xác nhận). Nay ông yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 16/01/2013 giữa ông với ông B, bà B diện tích 05 công tầm cây đất trồng lúa, yêu cầu ông B, bà B trả lại cho vợ chồng ông 2,5 lượng vàng 24K (loại vàng đang lưu hành tại địa phương), vợ chồng ông đồng ý giao trả lại cho ông B, bà B 05 công đất trồng lúa tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng P và là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Âu Thị N trình bày:* Ngày 29/02/2011, ông Lê Thanh B và bà Lê Thị B có cầm cố cho vợ chồng ông 03 công tầm cây đất trồng lúa với giá 02 lượng vàng 24K, thời hạn cố 04 năm (đến tháng 02 năm 2015), khi đến thời hạn chuộc mà ông B, bà B không chuộc lại đất

thì vợ chồng ông tiếp tục canh tác đất. Khi cô đất, bà B có viết giấy tay đề ngày 29/02/2011 có ông Nguyễn Thanh Hg là Trưởng ấp B ký xác nhận (không có Ủy ban nhân dân xã C ký xác nhận). Nay ông yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 29/02/2011 giữa ông với ông B, bà B diện tích 03 công tằm cấy đất trồng lúa, yêu cầu ông B, bà B trả lại cho vợ chồng ông 02 lượng vàng 24K (loại vàng đang lưu hành tại địa phương), vợ chồng ông đồng ý giao trả lại cho ông B, bà B 03 công đất trồng lúa tọa lạc tại ấp Bào Sen, xã Châu Thới, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra, ông còn nhận thuê 14 công tằm cấy đất trồng lúa của ông B để canh tác hàng năm với giá triệu đồng/công tằm cấy.

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, ông Đinh Quốc T trình bày:* Ngày 10/5/2012, ông Lê Thanh B và bà Lê Thị B ký hợp đồng tín dụng số HD4242/HĐTD vay số tiền 180.000.000 đồng, thời hạn vay 13 tháng (đến ngày 12/6/2013), lãi suất cho vay 1,75%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khi vay ông B, bà B thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 798698 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho ông Lê Thanh B ngày 15/10/2007 tại thửa 885 tờ bản đồ số 08, diện tích 30.000m² đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số HD4242/HĐTC ngày 10/5/2012.

Tính đến ngày 14/12/2020, ông B, bà B còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần K 763.994.872 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, tiền nợ lãi là trong hạn là 42.962.900 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 117.804.272 đồng, tiền lãi quá hạn là 423.227.700 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông B, bà B có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc trên và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng; Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt chậm trả là 117.804.272 đồng. Trường hợp ông Bình, bà Bén không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện V bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AK 798698 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho ông Lê Thanh B ngày 15/10/2007 diện tích 30.000m² tại thửa 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số HD4242/HĐTC ngày 10/5/2012 để thu hồi nợ.

- *Theo Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại Công văn số 1690/UBND-NC ngày 29/12/2016:* Phần đất tranh chấp có tổng diện tích là 46.611,5m², trong đó đất ở và trồng cây lâu năm là 2.125,1m², diện tích đất trồng lúa là 44.486,4m², thuộc thửa 882 diện tích 3.483m², thửa 884 diện tích 5.325m², thửa 885 diện tích 39.940m² thuộc tờ bản đồ số 08, do ông Lê Văn C kê khai đăng ký vào sổ mục kê năm 1997. Đến năm 2007, ông Lê Thanh B làm thủ tục thừa kế lại từ hộ ông Lê Văn C qua ông B, đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/10/2007, số phát hành AK 798659, số vào sổ H18.659 tại thửa 882 diện tích 3.483m² tờ bản đồ số 08 và số phát hành AK 798698, số vào sổ H18.698 tại thửa 885 tờ bản đồ số 08 diện tích 39.940m². Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là đúng quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2018:* Bà B là vợ ông Lê Thanh B, chung sống với nhau từ năm 1996 chỉ tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Trước khi cụ C, cụ B chết đã để lại cho ông B diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 38 công tầm điền, nhưng thực tế chỉ có 30 công và 01 phần đất nền nhà, trên đất 01 căn nhà cấp 4 hiện ông B đang ở. Do nuôi heo thua lỗ nên bà và ông B đã cầm cố cho ông B 3,5 công tầm cây đất trồng lúa (không nhớ năm nào), có viết giấy tay cầm cố với giá 02 lượng vàng 24K và chuyển nhượng cho ông B 05 công tầm cây đất trồng lúa với giá 02 lượng vàng 24K, chỉ viết giấy tay chưa tách quyền sử dụng đất; cầm cố cho ông Âu Vũ P 03 công 03 gốc 4 đất trồng lúa với giá 60.000.000 đồng, khi có có viết giấy tay do con gái bà là Lê Thúy H viết dùm. Ngoài ra, bà và ông B còn thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay 180.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (không nhớ vay năm nào) đến nay chưa thanh toán; cầm cố cho ông Lê Hồng P 03 công tầm cây với giá 02 lượng vàng 24K. Nay bà và ông B đã sống ly thân hơn 06 năm và không có tiền thanh toán nợ cho Ngân hàng và những người có đất nên bà đồng ý cho Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông B và ông B đang quản lý tài sản nên có nghĩa vụ thanh toán nợ cho các chủ nhận có đất thì họ cứ tiếp tục canh tác đất đến khi nào bà và ông B có tiền, vàng chuộc lại đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế với ông B, ông L, ông B, ông T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B thì bà không có ý kiến vì hiện nay bà đã không còn chung sống với ông B. Riêng tờ di chúc của ông C là do ông C đọc cho H là con gái bà T ghi lại nội dung có sự chứng kiến của bà, sau đó có nhờ ông Q (Trưởng ấp) xác nhận, ngoài ra không có ai khác chứng kiến.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vi, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244; khoản 1, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 648, 652, 653, 654, 655, 657, 658, 678, 679, 680, 681 Bộ luật Dân sự năm 1995; các điều 100, 203 Luật đất đai; điểm a, c tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 5, 6, 7 điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL – UBTVQH12 ngày 27/02/2009; mục 2 phần I của danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/PL- UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc bà Lê Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Thanh B, ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn T về việc không chia di sản thừa kế của cụ C và cụ B đối với diện tích đất nhà ở, đất trồng cây lâu năm diện tích theo đo đạc thực tế là 898,3m² tại một phần thửa 882, không chia di sản thừa kế đối với diện tích đất nền mộ diện tích 399,7m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thanh B, được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 15/10/2007 tại các thửa 882, 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc không chia di sản thừa kế của cụ C và cụ B đối với diện tích đất nhà ở, đất trồng cây lâu năm diện tích theo đo đạc thực tế là 898,3m² tại một phần thửa 882, không chia di sản thừa kế đối với diện tích đất nền mộ diện tích 399,7m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thanh B, được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 15/10/2007 tại các thửa 882, 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn T, ông Lê Thanh B tranh chấp về thừa kế tài sản theo pháp luật do cụ Lê Văn C và cụ Nguyễn Thị B để lại.

3. Chia cho bà Lê Thị Th di sản do cụ C và bà B để lại là quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 6.875,9m² tại một phần thửa 885 tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 798698 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L cấp cho ông Lê Thanh B ngày 15/10/2007 (tuyên tứ cạnh kèm theo).

4. Buộc ông Lê Văn B, ông Lê Hồng P giao lại cho bà Lê Thị T diện tích theo đo đạc thực tế 6.875,9m² tại một phần thửa 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu có vị trí tại phần 3 của Quyết định.

5. Buộc bà Lê Thị T thanh toán giá trị chênh lệch kỹ phần thừa kế được nhận cho ông B, ông T, bà T1, bà Đ, bà T2 và chị N, mỗi người là 17.796.400 đồng.

6. Chia cho bà Lê Thị T di sản do cụ C và cụ B để lại là quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm diện tích theo đo đạc thực tế là 363,4m² tại một phần thửa 882 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Thanh B đứng tên (tuyên tứ cạnh kèm theo).

7. Buộc ông Lê Thanh B giao lại cho bà Lê Thị T diện tích theo đo đạc thực tế 363,4m² tại một phần thửa 882 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu có vị trí số đo tại phần 6 của Quyết định.

8. Buộc bà Lê Thị T thanh toán giá trị chênh lệch kỹ phần thừa kế được nhận cho ông B, ông T, bà T1, bà Đẹp, bà T1 và chị N, mỗi người là 2.081.667 đồng.

9. Chia cho ông Lê Thanh B di sản do cụ C và cụ B để lại là quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 37.210,8m² tại một phần thửa 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp B thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 798698

được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Lê Thanh B ngày 15/10/2007 (tuyên tứ cạnh kèm theo).

10. Buộc ông Lê Thanh B (do chị Lê Thúy H là người giám hộ của ông B) thanh toán giá trị phần chênh lệch kỹ phần thừa kế cho ông B, ông T, bà T1, bà Đ, bà T2 và chị N, mỗi người 246.723.800 đồng.

11. Chia cho ông Lê Thanh B di sản do cụ C và cụ B để lại là quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm diện tích theo đo đạc thực tế là 507,8m² tại một phần thửa 882 tờ bản đồ số 08 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thanh B, được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 15/10/2007 (tuyên tứ cạnh kèm theo).

12. Buộc ông B (do chị Lê Thúy H là người giám hộ của ông B) thanh toán giá trị phần chênh lệch kỹ phần thừa kế cho ông B, ông , bà T1, bà Đ, bà T2 và chị N, mỗi người 3.405.333 đồng.

13. Giao cho ông B được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất nhà ở, vườn tạp theo đo đạc thực tế là 898,3m² tại một phần thửa 882 tờ bản đồ số 08, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thanh B, được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 15/10/2007 và các tài sản trên đất, gồm: 01 căn nhà chính, 01 căn nhà phụ, 01 mái che, 01 nhà vệ sinh nền xi măng, gạch xây chuồng heo, 01 cây nước phi 49, 01 bàn thờ ông Thiên bằng gạch dùng vào việc thờ cúng (tuyên tứ cạnh kèm theo).

14. Chia cho ông Lê Văn L di sản do cụ C và cụ B để lại là quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm diện tích theo đo đạc thực tế là 355,6m² tại một phần thửa 882 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thanh B, được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 15/10/2007 (tuyên tứ cạnh kèm theo).

15. Buộc ông L thanh toán giá trị phần chênh lệch kỹ phần thừa kế cho ông Bền, ông T, bà T1, bà Đ, bà T2 và chị N, mỗi người 2.010.000 đồng.

16. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Thanh B, bà Lê Thị T, ông Lê Văn L diện tích đất theo như phần 3, 6, 9, 11, 13, 14 của Quyết định này khi ông B, ông L, bà T có yêu cầu.

17. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long đối với ông Bình, bà Bén về số tiền phạt chậm trả là 117.804.272 đồng. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long đối với ông Bình, bà Bén về số tiền phạt chậm trả là 117.804.272 đồng.

18. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với ông B, bà B về việc yêu cầu ông B, bà B thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng số HD 4242 cùng ngày 10/5/2012. Tính đến ngày 14/12/2020, ông B, bà B còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tiền 646.190.600 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 42.962.900 đồng, tiền lãi quá hạn là 423.227.700 đồng. Buộc ông B (do chị H là người giám hộ), bà B có

nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền 646.190.600 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 42.962.900 đồng, tiền lãi quá hạn là 423.227.700 đồng.

19. Kể từ ngày 15/12/2020, ông B, bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông B, bà B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

20. Trường hợp ông B, bà B không thanh toán được số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thanh B được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 15/10/2007, diện tích 30.000m² tại thửa 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu để thu hồi nợ.

21. Buộc ông Lê Hồng P, ông Dương Văn T và ông Lê Văn L thu hoạch lúa trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày 18/01/2021 và giao trả cho ông Lê Thanh B diện tích đất đang canh tác tại một phần thửa 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, để đảm bảo tài sản thế chấp cho Ngân hàng khi có yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của ông B, bà B thu hồi nợ.

22. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập ngày 03/5/2017 của ông Âu Vũ P, bà Lê Thị Đ đối với ông Lê Thanh B, bà Lê Thị B về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 06/01/2013 giữa ông Âu Vũ P, bà Lê Thị Đ với ông Lê Thanh B và bà Lê Thị B đối với diện tích đất trồng lúa 5,5 công cầm cây với giá 2,5 lượng vàng 24K (diện tích đất theo đo đạc thực tế là 7.767,1m²) tại một phần thửa 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B.

23. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập ngày 03/5/2017 của ông Lê Hồng P, bà Âu Thị N đối với ông Lê Thanh B, bà Lê Thị B về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 29/02/2011 giữa ông Lê Hồng P, bà Âu Thị N với ông Lê Thanh B và bà Lê Thị B đối với diện tích đất trồng lúa 03 công tầm cây với giá 02 lượng vàng 24K (diện tích đất theo đo đạc thực tế là 3.306,4m²) tại một phần thửa 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 ông Lê Văn Bền; ông Lê Văn Chắc; chị Lê Thúy Hằng kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết chia thừa kế theo di

chức do cụ Lê Văn Chên lập ngày 10/12/2001. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn B; ông Lê Văn C; chị Lê Thúy H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn B phát biểu: Bản kết luận giám định kết luận đối với chữ ký của cụ C so với mẫu cần giám định là M1 không cùng một người ký ra, so với mẫu M2 thì cùng một người ký ra. Nên có căn cứ xác định bản di chúc đề ngày 10/12/2001 do chính cụ C ký, ngoài ra Trưởng ấp B cũng thừa nhận, có ký xác nhận vào tờ di chúc trên. Từ những chứng cứ đã nêu đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn B.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị T là ông Nguyễn Duy S phát biểu ý kiến tranh luận: Hồ sơ chỉ có một tờ di chúc; kết luận giám định so sánh hai mẫu do các đương sự cung cấp, các đương sự thống nhất xác định căn cứ vào tài liệu làm mẫu giám định không ai phản đối. Theo quy định của Bộ Luật Dân sự thì di chúc lập bằng văn bản phải có người chứng kiến, nhưng ông T, ông L xác định khi ký vào tờ di chúc thì do bà B (vợ ông B) đem đến nhà cho ký, bà T1 thì không thừa nhận chữ ký trong bản di chúc là của bà T1; ông Q Trưởng ấp xác định: ông ký xác nhận vào tờ di chúc không phải tại thời điểm lập di chúc. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông B, ông T, chị H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn B; ông Lê Văn C; chị Lê Thúy H: Các đương sự không kháng cáo về hàng thừa kế, về tài sản yêu cầu xác định là di sản thừa kế; kỷ phần mà mỗi người được hưởng... Chỉ kháng cáo yêu cầu xem xét tờ di chúc ngày 10/12/2001 và yêu cầu thực hiện theo di chúc.

[3] Cụ Nguyễn Thị B chết ngày 12/3/2000 không để lại di chúc; các đồng bị đơn và bà Lê Thị B xác định ngày 10/12/2001 cụ C nhờ chị Tô Hoàng D (tên thường gọi: H), là con gái bà T1 viết di chúc (bút lục 141). Như vậy, nếu có căn cứ xác định bản di chúc mà cụ C để lại có hiệu lực pháp luật thì cụ C cũng chỉ

có quyền định đoạt 50% tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của cụ C và cụ B; phần 50% tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu của cụ B và được chia theo pháp luật.

[4] Xét nội dung tờ di chúc thể hiện cụ C tặng cho bà Lê Thị T 6,6 công tằm điền khi bà T có chồng phải hoàn trả đất lại về làm đất hương hỏa và khi cụ C qua đời thì ông Lê Thanh B được quyền sử dụng 20 công tằm điền để thờ cúng. Tuy nhiên, chị D không thừa nhận có viết tờ di chúc nêu trên cho cụ C, vì thời điểm năm 2001 chị D không có mặt ở địa phương. Ông L, ông B, ông T xác định không trực tiếp chứng kiến việc cụ C để lại di chúc và ký tên vào tờ di chúc, khi bà B mang tờ di chúc đến thì các ông L, B, T mới ký tên vào tờ di chúc, bà T không thừa nhận có ký tên vào tờ di chúc trên.

[5] Xét về hình thức của di chúc ngày 10/12/2001 là di chúc được lập thành văn bản, tại thời điểm lập di chúc không có người chứng kiến (do không có ai khác ngoài những người thừa kế theo pháp luật ký tên vào di chúc), sau đó có Trưởng ấp B, xã C, huyện V ký xác nhận, nhưng không có công chứng, chứng thực nên không đảm bảo về hình thức của di chúc theo quy định tại các điều 652, 653, 654, 655, 657, 658, 660 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

[6] Về nội dung tờ di chúc ngày 10/12/2001 có chữ ký “C” ghi là Lê Văn C, tuy nhiên theo Kết luận giám định ngày 17/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu thể hiện: Chữ ký “C” trong tờ di chúc trên so với hai mẫu so sánh do các đương sự cung cấp có một mẫu là không do cùng một người ký ra; một mẫu xác định do cùng một người ký ra. Như vậy, không đủ căn cứ xác định chữ ký “C” trong tờ di chúc ngày 10/12/2001 là của cụ Lê Văn C trực tiếp ký. Do đó, không đảm bảo về nội dung của di chúc theo quy định tại Điều 656 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Nên di sản của cụ B và cụ C để lại được phân chia theo pháp luật, được quy định tại Điều 678 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

Vì vậy, các đương sự Lê Văn B; ông Lê Văn C; chị Lê Thúy H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết chia thừa kế theo di chúc ngày 10/12/2001 là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các nội dung và quyết định việc giải quyết chia thừa kế của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, các đương sự không kháng cáo nên có hiệu lực pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn B; ghi nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị T. Có căn cứ chấp nhận phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Về án phí phúc thẩm: ông Lê Văn B; ông Lê Văn C; chị Lê Thúy H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Bên; ông Lê Văn Chắc; chị Lê Thúy Hằng, giữ y bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244; khoản 1, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 648, 652, 653, 654, 655, 657, 658, 678, 679, 680, 681 Bộ luật Dân sự năm 1995; các điều 100, 203 Luật đất đai; điểm a, c tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 5, 6, 7 điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL – UBTVQH12 ngày 27/02/2009; mục 2 phần I của danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/PL- UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Lê Thị T về việc chia di sản thừa kế của cụ C và cụ B đối với diện tích đất nhà ở, đất trồng cây lâu năm diện tích theo đo đạc thực tế là 898,3m² tại một phần thửa 882; đất nền mộ diện tích 399,7m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thanh B, được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 15/10/2007 tại các thửa 882, 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu thừa kế di sản theo pháp luật do cụ Lê Văn C và cụ Nguyễn Thị B để lại.

3. Chia cho bà Lê Thị T di sản do cụ C và bà B để lại là quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 6.875,9m² tại một phần thửa 885 tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 798698 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho ông Lê Thanh B ngày 15/10/2007, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Dương Văn T đang thuê để canh tác;
- Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn L đang canh tác;
- Hướng Nam giáp đất ông Lê Hồng P đang thuê canh tác và giáp phần đất nền mộ;
- Hướng Bắc giáp đất giáp đất ông Dương Văn S.

3.1 Buộc ông Lê Văn B, ông Lê Hồng P giao lại cho bà Lê Thị T diện tích theo đo đạc thực tế 6.875,9m² tại một phần thửa 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu có vị trí tại phần 3 của Quyết định.

3.2. Chia cho bà Lê Thị T di sản do cụ C và cụ B để lại là quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm diện tích theo đo đạc thực tế là 363,4m² tại một phần thửa 882 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Thanh đứng tên, đất có vị trí, số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất trồng lúa hiện do ông Lê Hồng P đang thuê canh tác có số đo 7,70m;

- Hướng Tây giáp Kênh Đường T có số đo 7,70m;

- Hướng Nam giáp đất bà Trần Thị L có số đo 47,80m;

- Hướng Bắc giáp nhà ở của ông Lê Văn L có số đo 46,79m;

3.3 Buộc ông Lê Thanh B giao lại cho bà Lê Thị T diện tích theo đo đạc thực tế 363,4m² tại một phần thửa 882 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp Bào Sen, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu có vị trí số đo cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp đất trồng lúa hiện do ông Lê Hồng P đang thuê canh tác có số đo 7,70m;

- Hướng Tây giáp Kênh Đường T có số đo 7,70m;

- Hướng Nam giáp đất bà Trần Thị L có số đo 47,80m;

- Hướng Bắc giáp nhà ở của ông Lê Văn có số đo 46,79m;

3.4. Buộc bà Lê Thị T thanh toán giá trị chênh lệch của hai kỹ phân thừa kế được nhận nêu trên cho ông B, ông T, bà T1, bà Đ, bà T2 và chị N, mỗi người là 19.878.067 đồng.

4. Chia cho ông Lê Thanh B (do chị Lê Thúy H là người giám hộ của ông Bình) di sản do cụ C và cụ B để lại là quyền sử dụng đất nông nghiệp ếp diện tích 37.210,8m² tại một phần thửa 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 798698 được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Lê Thanh B ngày 15/10/2007, đất có vị trí, số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Lê Việt H đang sử dụng có số đo 94,52m và giáp đất ông Dương Văn S có số đo 30,30m, 65m;

- Hướng Tây giáp phần đất ở + vườn tạp (thửa 882) có số đo 22,62m, 38,1m và giáp với đất bà Trần Thị L có số đo 2,93m, 59,25m, 58,40m;

- Hướng Nam giáp kênh Đường T có số đo 45,92m, 43m, 36,78m, 40,43m, 63,59m, 55,94m, 24,16m và giáp phần đất nghĩa địa có số đo 16,76m, 7,24m, 30,08m, 17,35m, 9,38m, 17,07m, 55,46m, 22,22m;

- Hướng Bắc giáp đất bà Huỳnh Thị B có số đo 25,47m, 25,68m và giáp đất ông Dương Văn Sét có số đo 19,23m, 43,96m, 4,63m, 24,92m, 13,53m.

4.1. Chia cho ông Lê Thanh B (do chị Lê Thúy H là người giám hộ của ông B) di sản do cụ C và cụ B để lại là quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm diện tích theo đo đạc thực tế là 507,8m² tại một phần thửa 882 tờ bản đồ số 08 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thanh B, được Ủy ban

nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 15/10/2007, đất có vị trí, số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất trồng lúa (đang tranh chấp chia thừa kế) hiện do ông Lê Hồng P đang thuê canh tác có số đo 11,30m;
- Hướng Tây giáp Kênh Đường T có số đo 11,30m;
- Hướng Nam giáp đất nhà ở của ông Lê Văn L có số đo 45,78m;
- Hướng Bắc giáp nhà ở của ông Lê Thanh B có số đo 44,29m;

4.2. Buộc ông B (do chị Lê Thúy H là người giám hộ của ông B) thanh toán giá trị phần chênh lệch hai kỳ phần thừa kế cho ông B, ông T, bà T1, bà Đ, bà T2 và chị N, mỗi người 250.129.133đ đồng.

4.3. Giao cho ông B được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất nhà ở, vườn tạp theo đo đạc thực tế là 898,3m² tại một phần thửa 882 tờ bản đồ số 08, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thanh B, được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 15/10/2007 và các tài sản trên đất, gồm: 01 căn nhà chính, 01 căn nhà phụ, 01 mái che, 01 nhà vệ sinh nền xi măng, gạch xây chuồng heo, 01 cây nước phi 49, 01 bàn thờ ông Thiên bằng gạch dùng vào việc thờ cúng, đất có vị trí, số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất trồng lúa đang tranh chấp chia thừa kế (do ông Lê Thanh B đứng tên quyền sử dụng đất, hiện do ông Lê Hồng P đang thuê canh tác) có số đo 11,40m, 22,62m;
- Hướng Tây giáp Kênh Đường T có số đo 18,06m;
- Hướng Nam giáp sân xi măng đang để trống có số đo 44,29m;
- Hướng Bắc giáp đất bà Huỳnh Thị B có số đo 59,90m, 2,94m, 3,17m.

5. Chia cho ông Lê Văn L di sản do cụ C và cụ B để lại là quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm diện tích theo đo đạc thực tế là 355,6m² tại một phần thửa 882 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thanh B, được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 15/10/2007, đất có vị trí, số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất trồng lúa hiện do ông Lê Hồng P đang thuê canh tác có số đo 7,70m;
- Hướng Tây giáp Kênh Đường T có số đo 7,70m;
- Hướng Nam giáp đất ao có số đo 46,79m;
- Hướng Bắc giáp sân xi măng có số đo 45,78m.

5.1. Buộc ông L thanh toán giá trị phần chênh lệch kỳ phần thừa kế cho ông B, ông T, bà T1, bà Đ, bà T2 và chị N, mỗi người 2.010.000 đồng.

(Trích đo hiện trạng đất tranh chấp là bộ phận không thể tách rời của bản án)

6. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Thanh B, bà Lê Thị T, ông Lê Văn L diện tích đất theo như phần 3, 4.5 của Quyết định này khi ông B, ông L, bà T có yêu cầu.

7. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với ông B, bà B về số tiền phạt chậm trả là 117.804.272 đồng.

8. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với ông B, bà B về việc yêu cầu ông B, bà B thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng số HD 4242 cùng ngày 10/5/2012. Tính đến ngày 14/12/2020, ông Bình, bà Bén còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền 646.190.600 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 42.962.900 đồng, tiền lãi quá hạn là 423.227.700 đồng. Buộc ông B (do chị H là người giám hộ), bà B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền 646.190.600 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 42.962.900 đồng, tiền lãi quá hạn là 423.227.700 đồng.

9. Kể từ ngày 15/12/2020, ông B, bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông B, bà B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

10. Trường hợp ông B, bà B không thanh toán được số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thanh B được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 15/10/2007, diện tích 30.000m² tại thửa 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu để thu hồi nợ.

11. Buộc ông Lê Hồng P, ông Dương Văn T và ông Lê Văn L thu hoạch lúa trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày 18/01/2021 và giao trả cho ông Lê Thanh B diện tích đất đang canh tác tại một phần thửa 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, để đảm bảo tài sản thế chấp cho Ngân hàng khi có yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của ông B, bà B thu hồi nợ.

12. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập ngày 03/5/2017 của ông Âu Vũ P, bà Lê Thị Đ đối với ông Lê Thanh B, bà Lê Thị B về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 06/01/2013 giữa ông Âu Vũ P, bà Lê Thị Đ với ông Lê Thanh B và bà Lê Thị B đối với diện tích đất trồng lúa 5,5 công cầm cây với giá 2,5 lượng vàng 24K (diện tích đất theo đo đạc thực tế là 7.767,1m²) tại một phần thửa 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

13. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập ngày 03/5/2017 của ông Lê Hồng P, bà Âu Thị N đối với ông Lê Thanh B, bà Lê Thị B về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 29/02/2011 giữa ông Lê Hồng P, bà Âu Thị N với ông Lê Thanh B và bà Lê Thị B đối với diện tích

đất trồng lúa 03 công tâm cây với giá 02 lượng vàng 24K (diện tích đất theo đo đạc thực tế là 3.306,4m²) tại một phần thửa 885 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

14. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

15. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 15.819.082 đồng. Bà T, ông L, ông B, ông T, ông B (do chị H là người giám hộ), bà T1, bà Đ, bà T2 và chị N, mỗi người phải chịu 1.757.675 đồng. Bà Thẩm đã nộp tạm ứng 15.819.082 đồng đã chi phí hết cho việc xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Buộc ông L, ông B, ông T, bà T1, bà Đ, bà T2 và chị N và ông B, mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho bà T số tiền 1.757.675 đồng.

16. Chi phí giám định chữ ký là 3.000.000 đồng: Buộc ông L, ông B, ông T và ông B mỗi người phải chịu 750.000 đồng; bà T đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 3.000.000 đồng đã chi phí hết. Buộc ông L, ông B, ông T và ông B mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho bà T số tiền 750.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

17. Về án phí dân sự sơ thẩm:

17.1. Buộc ông B, ông T, bà T, bà T1, bà Đ, bà T2, chị N mỗi người phải chịu nộp 13.600.860 đồng, ông B (do chị H là người giám hộ của ông B) phải nộp 26.826.870 đồng; ông L phải nộp 374.850 đồng. Tuy nhiên, ông Lưu, bà T1, bà Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nêu trên. Bà T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 4.017.000 đồng theo Biên lai số 0000369 ngày 10/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu; bà T còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.583.860 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

17.2. Ông B (do chị H là người giám hộ của ông B) và bà B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng là 29.847.624 đồng.

17.3. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.112.935 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 006630 ngày 05/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

17.4. Ông Âu Vũ P, bà Lê Thị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009136 ngày 03/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được sung quỹ Nhà nước.

17.5. Ông Lê Hồng P, bà Âu Thị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009137 ngày 03/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được sung quỹ Nhà nước.

18. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn B; ông Lê Văn C; ông Lê Thanh (do chị H là người giám hộ của ông B) mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ông Lê Văn B; ông Lê Văn C; ông Lê Thanh B (do chị H là người giám hộ của ông B) mỗi người đã nộp 300.000 đồng tại các biên lai thu số: 0008534, 0008535, 0008536 cùng ngày 05/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện VL;
- CCTHADS huyện VL;
- Đương sự; Luật sư; Trợ giúp viên;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Lê Thanh Hùng